

CÔNG TY TNHH ALK VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ALK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALK VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110647022

3. Ngày thành lập: 12/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

OV4.4, Đường XP7, Khu chức năng đô thị Xuân Phương, Phường Xuân Phương,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903433677

Fax:

Email: alkvietnamco@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4530
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Không bao gồm hoạt động đấu giá	4610
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Dịch vụ đóng gói	8292
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) là lĩnh vực không phải ngành nghề kinh doanh	8559

Thời gian đăng từ ngày 13/03/2024 đến ngày 12/04/2024

17.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
19.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
20.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
21.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán	7490
23.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
27.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
30.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
31.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
32.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
33.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
34.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
35.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
36.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
37.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
38.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
43.	Đại lý du lịch	7911
44.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
45.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020

46.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
47.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
48.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
52.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Tái chế phế liệu	3830
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Xây dựng nhà không để ở	4102
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
61.	Phá dỡ	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Việt Nam	Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001177021525	
2	NGUYỄN CÔNG ÁNH	Việt Nam	8, Xã Cát Quế, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001075007752	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG ÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/06/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001075007752

Ngày cấp: 12/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 8, Xã Cát Quế, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: LK OV4.4, Đường XP7, khu đô thị Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội